

BÁO CÁO

Kết quả giám sát tình hình quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện từ năm 2019 - 2021

Thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Chương trình giám sát năm 2022, Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện đã tiến hành giám sát chuyên đề: Tình hình quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện từ năm 2019 - 2021, kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

UBND huyện, các phòng, ban chuyên môn và địa phương đã căn cứ vào các quy định của luật như: Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa để tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức như: Lồng ghép trong các buổi họp thôn, xóm, hội nghị tổng kết sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác, quản lý nhà nước về đất trồng lúa trên địa bàn huyện. Căn cứ tình hình thực tế của từng xã, phòng Nông nghiệp và PTNT tổ chức triển khai các văn bản hướng dẫn thông qua chương trình báo cáo viên, lồng ghép các hoạt động chuyên môn như kiểm tra, giám sát. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ngành, UBND huyện ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn các địa phương nghiêm túc thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

2. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện

Hàng năm, phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã tổ chức hướng dẫn cho nhân dân khai thác, sử dụng có hiệu quả đất trồng lúa, thủ tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa. Trên cơ sở đăng ký diện tích chuyển đổi cây trồng của các xã, phòng Nông nghiệp và PTNT đã tích cực kiểm tra, giám sát, nghiệm thu kết quả chuyển đổi cây trồng để tham mưu UBND huyện phân bổ chính sách hỗ trợ phù hợp, khuyến khích phát triển mô hình kinh tế gia trại, trang trại, phát triển các ngành nghề mới, các HTX sản xuất nông nghiệp theo định hướng chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND và UBND huyện. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp để làm cơ sở nhân ra diện rộng; cùng với công tác tuyên truyền vận động, việc hỗ trợ, giúp đỡ về vốn, kỹ thuật đã tạo hiệu ứng tích cực trong nhân dân, tạo thành phong trào chuyển đổi sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất

nông nghiệp; năng suất, chất lượng của các sản phẩm nông nghiệp có xu hướng nâng lên một cách rõ rệt.

3. Việc lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi của cấp tỉnh

Hàng năm, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, UBND huyện, phòng Nông nghiệp và PTNT ban hành các văn bản gửi các địa phương đăng ký triển khai xây dựng để thực hiện diện tích chuyển đổi, đối tượng cây trồng được chuyển đổi làm căn cứ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT có kế hoạch chỉ đạo thực hiện.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

1.1. Diện tích đất trồng lúa

Năm 2019, diện tích đất trồng lúa toàn huyện là 3.716,21ha, một số xã có diện tích đất trồng lúa lớn như: Quảng Phương, Quảng Châu, Quảng Hưng, Quảng Lưu, Quảng Tùng. Năm 2020, diện tích đất trồng lúa toàn huyện là 3.646,63 ha, giảm 69,58 ha so với năm 2019. Năm 2021, diện tích đất trồng lúa toàn huyện là 3.550,66 ha, giảm 95,97 ha so với năm 2020.

(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo).

1.2. Diện tích đất trồng lúa chuyển đổi sang mục đích khác

Tổng diện tích đất trồng lúa trên địa bàn huyện được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích qua các loại đất khác như: Đất ở, đất thương mại dịch vụ... trên địa bàn huyện từ năm 2019 đến năm 2021 là 15 công trình với diện tích 15,83 ha.

(Chi tiết có Phụ lục 3 kèm theo).

1.3. Các công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa

Từ năm 2019 đến 2021, trên địa bàn huyện có 86 công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích 175,44 ha.

(Chi tiết có Phụ lục 4 kèm theo).

1.4. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

Năm 2019, UBND huyện đã chỉ đạo chuyển đổi 115 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác như: sen, lạc, ngô, đậu...; lượng giống lúa mới đưa vào sản xuất vụ Đông Xuân 2018 - 2019 chiếm 83% diện tích; lúa chất lượng cao chiếm 71%.

Năm 2020, chuyển đổi 44 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác như: lạc, ngô, khoai lang, rau màu...; lượng giống lúa mới đưa vào sản xuất trong vụ Đông Xuân 2019 - 2020 chiếm 90% diện tích; lúa chất lượng chiếm 82,5%.

Năm 2021, chuyển đổi 26 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác như: lạc, ngô, khoai lang, đậu, rau màu...; lượng giống lúa mới đưa vào sản

xuất trong vụ Đông Xuân 2020 - 2021 chiếm 92 % diện tích; lúa chất lượng chiếm 89 %.

Quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, nâng cao trình độ thâm canh nên năng suất, chất lượng sản phẩm đều tăng; đưa các loại giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao vào thay thế và loại thải các giống kém chất lượng. Người dân mạnh dạn chuyển dần theo hình thức trang trại, gia trại, đầu tư về cơ sở vật chất, cây giống nhằm nâng cao số lượng cũng như chất lượng cây trồng. Nhiều mô hình áp dụng sản xuất theo hướng công nghệ cao đã được hình thành, tạo đà cho phong trào sản xuất nông nghiệp hiện đại trong tình hình mới. Bên cạnh đó, thực hiện quá trình chuyển đổi đã hình thành các mô hình sản xuất cây trồng hiệu quả và mang tính sản xuất hàng hóa. Các đối tượng cây trồng được chuyển đổi phù hợp với điều kiện của từng địa phương được người dân đồng tình hưởng ứng. Từ kết quả đạt được của các mô hình chuyển đổi cây trồng góp phần nâng cao nhận thức của bà con nông dân trong việc đầu tư, chăm sóc để có hiệu quả kinh tế, từng bước ổn định và nâng cao đời sống. Nhìn chung, việc chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất các loại cây trồng khác đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất chuyên lúa, đã tạo ra nhiều việc làm cho nông dân sản xuất, luân canh giữa lúa và cây trồng khác góp phần nâng cao độ phì cho đất, giảm được sâu bệnh, tiết kiệm nước tưới.

1.5. Trách nhiệm của người sử dụng đất trồng lúa

Cơ bản người sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện thực hiện theo đúng quy định tại Điều 6 Nghị định 35/2015/NĐ-CP, thực hiện đúng mục đích theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt. Sử dụng có hiệu quả đất trồng lúa. Canh tác theo hướng dẫn kỹ thuật của cơ quan chuyên môn. Đồng thời, người sử dụng đất trồng lúa thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Về chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

2.1. Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa

- Về chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa:

Căn cứ diện tích đất trồng lúa, ngân sách nhà nước ưu tiên hỗ trợ sản xuất lúa cho các địa phương (gồm chi đầu tư và chi thường xuyên) thông qua định mức phân bổ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ngoài hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành địa phương sản xuất lúa được ngân sách nhà nước hỗ trợ 1 triệu đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa nước; 0,5 triệu đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa khác.

- Về kết quả hỗ trợ:

Trên cơ sở báo cáo diện tích đất trồng lúa của các địa phương, số liệu kiểm kê đất trồng lúa các năm ở các địa phương, phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu UBND huyện phân bổ kinh phí hỗ trợ trên diện tích thực hiện đất trồng lúa cho UBND các xã, cụ thể:

Năm 2019, tổng số tiền hỗ trợ 3.494.410.000 đồng. Trong đó, đất trồng 2 vụ lúa 3.382.840.000 đồng; đất trồng lúa khác 111.570.000 đồng.

Năm 2020, tổng số tiền hỗ trợ 3.583.080.000 đồng. Trong đó, đất trồng 2 vụ lúa 3.449.950.000 đồng; đất trồng lúa khác 133.130.000 đồng.

Năm 2021, tổng số tiền hỗ trợ 3.515.763.000 đồng. Trong đó, đất trồng 2 vụ lúa 3.384.893.000 đồng; đất trồng lúa khác 130.870.000 đồng.

2.2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ cho người trồng lúa và đầu tư tu sửa các công trình giao thông, thủy lợi, các mục đích khác:

Năm 2019, UBND huyện phân bổ kinh phí hỗ trợ trước lúc Nghị định 62/2019/CP ban hành nên hầu hết các địa phương sử dụng kinh phí để tu sửa hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng.

Năm 2020, 2021 tổng kinh phí được UBND huyện phân bổ cho UBND các xã hơn 7 tỷ đồng. UBND các xã đã sử dụng 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa; 50% còn lại đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa.

(Chi tiết có Phụ lục 5 kèm theo).

3. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành

Hàng năm, phòng Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu, báo cáo kịp thời UBND huyện về tình hình sử dụng, quản lý đất trồng lúa trên địa bàn huyện. Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn, xử lý vi phạm hành chính liên quan đến đất trồng lúa, kiểm tra, xác minh diện tích, mức độ vi phạm để báo cáo, đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết. Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, thống nhất các số liệu liên quan đến đất trồng lúa tham mưu UBND huyện phân bổ kinh phí hỗ trợ kịp thời cho các địa phương. Thường xuyên phối hợp với UBND các xã kiểm tra thực địa diện tích đất trồng lúa, diện tích tưới tiêu được hỗ trợ thủy lợi phí, hướng dẫn, hỗ trợ các văn bản về quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn. Đồng thời, chỉ đạo, đôn đốc các xã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

* *

*

Thực hiện Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019, UBND huyện chỉ đạo phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng, ban liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Hỗ trợ các loại giống lúa mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật từ đó đã giúp người nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất, năng suất và chất lượng sản xuất lúa của huyện từng bước được nâng cao; chủ động đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn có hiệu quả, đặc biệt là các công trình giao thông thủy lợi nội đồng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Công tác quản lý đất đai, đặc biệt là đất trồng lúa thực hiện đúng theo thẩm quyền và quản lý chặt chẽ theo các quy định của Nhà nước, không có đất chuyên trồng lúa bị bỏ hoang hoặc gây thoái hoá dẫn đến không trồng được lúa. Việc chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp cơ bản được thực hiện theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã bám sát vào tình hình thực tế ở địa phương và nhu cầu của người dân.

III. KHUYẾT ĐIỂM, HẠN CHẾ

Một số nơi địa hình không bằng phẳng hình thành nhiều ruộng cao thấp, hạng đất không đồng đều gây khó khăn cho việc quy hoạch; việc cải tạo làm phẳng mặt bằng tốn kém.

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng thực tế hiệu quả đem lại vẫn chưa cao. Sự chuyển đổi chủ yếu được thực hiện nhờ vào sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án, người dân chưa tự đầu tư giống mới để sản xuất. Việc đầu tư thâm canh cho cây trồng chuyển đổi còn thấp nên năng suất đem lại chưa cao. Việc liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều hạn chế. Trong quá trình triển khai thực hiện, một bộ phận người dân còn e ngại việc chuyển đổi cây trồng. Bên cạnh đó, điều kiện thời tiết những năm gần đây diễn biến thất thường, không theo quy luật, thiên tai thường xuyên xảy ra đã làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân. Giá cả các loại mặt hàng nông sản luôn biến động, phụ thuộc vào thị trường; các loại vật tư phân bón tăng cao nên người dân không giám mạnh dạn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

Một số xã sử dụng kinh phí chưa đúng theo quy định “Điều 8: Sử dụng kinh phí hỗ trợ” của Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Cụ thể: Đã sử dụng quá 50% kinh phí để sử dụng vào việc đầu tư xây dựng và duy tu bảo dưỡng các công trình; đặc biệt, có một số xã đã không

sử dụng kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm như quy định của Nghị định.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với UBND tỉnh

1) Đề nghị UBND huyện kiến nghị với UBND tỉnh tiếp tục phân bổ kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP. Đầu tư kinh phí để các địa phương xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông nội đồng, thủy lợi.

2) Hỗ trợ kinh phí, xây dựng các mô hình chuyển giao khoa học kỹ thuật tiên tiến vào nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất theo hướng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Với UBND huyện

Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, địa phương tập trung xử lý một số vấn đề sau:

1) Các phòng, ban, đơn vị, địa phương có liên quan tiếp tục phối hợp tốt với phòng Nông nghiệp và PTNT để tham mưu UBND huyện quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả và quản lý việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

2) Tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng sau dồn điền đổi thửa theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh chuyển đổi diện tích các loại cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác có năng suất, chất lượng cao.

3) Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp, hướng dẫn các xã chọn những hộ có khả năng, có nhu cầu làm vườn hoặc chăn nuôi để vận động, hỗ trợ chính sách phù hợp. Chọn các xã có điều kiện để tham mưu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hình thành vùng sản xuất tập trung; phát triển các cây trồng, vật nuôi có giá trị, hiệu quả, an toàn; đẩy mạnh sản xuất hàng hóa và dịch vụ nông nghiệp. Tiếp tục hướng dẫn các xã đẩy mạnh phát triển kinh tế vườn, coi trọng đầu tư, chăm sóc, cải tạo vườn nhà, xây dựng vườn mẫu, mở rộng mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm nâng cao thu nhập cho người dân.

4) Thành lập các tổ hợp tác xã để tổ chức cung ứng giống cây trồng, vật nuôi và việc liên kết tìm đầu ra để bao tiêu cho sản phẩm được sản xuất ra tại địa bàn, đẩy mạnh công tác tuyên truyền việc sử dụng các giống lúa mới có năng suất cao, canh tác hiệu quả giúp người dân mạnh dạn hơn trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để thực hiện có hiệu quả các mô hình, dự án phát triển sản xuất tăng thu nhập cho bà con nông dân.

5) Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, cương quyết xử lý sai phạm theo tinh thần Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh. Đồng thời, phát huy vai trò của các tổ chức mặt trận, đoàn thể trong việc tuyên truyền vận động người dân tự giác chấp hành quy định pháp luật về đất đai. Hạn chế chuyển đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực; không được chuyển sang sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, làm muối và vào mục đích phi nông nghiệp nếu không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6) Chỉ đạo kiểm điểm nghiêm túc đối với UBND các xã sử dụng kinh phí chưa đúng quy định.

3. Với UBND các xã

1) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, sự điều hành có hiệu quả của chính quyền địa phương. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng đất đai đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

2) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách pháp luật về đất đai cho tất cả các đối tượng có sử dụng đất trồng lúa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ có liên quan đến việc cải tạo, nâng cao độ phì nhiêu cho đất trồng lúa. Nâng cao nhận thức của người dân về Luật đất đai, Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

3) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo chỉ tiêu nhiệm vụ đề án phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, Chương trình hành động số 06-CTr/HU ngày 11/11/2020 của Huyện uỷ “về phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, giai đoạn 2021-2025” thực hiện tốt công tác thâm canh phát triển kinh tế vườn, mạnh dạn chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang loại cây phù hợp; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo mô hình gia trại, trang trại, tạo ra sản phẩm nông nghiệp đáp ứng nhu cầu của thị trường; nâng cao thu nhập.

4) Xây dựng quy hoạch ruộng sản xuất lúa mang tính tổng thể tránh tình trạng ruộng sản xuất manh mún, từng thửa nhỏ và được bố trí không đồng đều theo tuyến đường trục chính nội đồng dẫn đến khó khăn trong việc xác định vị trí thửa đất, lập sơ đồ chủ thể quản lý khi phá bỏ bờ thửa nhỏ.

5) Chủ động kiểm tra và huy động các nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn có hiệu quả, đặc biệt là các công trình giao thông thủy lợi nội đồng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

6) Sử dụng kinh phí hiệu quả và đúng mục đích theo quy định Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

7) Rà soát, thống kê chính xác diện tích đất trồng lúa trên địa bàn và thống nhất một số liệu báo cáo cho các phòng, ban, đơn vị chuyên môn cấp huyện. Kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm đối với những trường hợp vi phạm về đất đai; đặc biệt đối với công chức phụ trách lĩnh vực đất đai tích cực nghiên cứu tham mưu có hiệu quả cho Đảng uỷ, UBND xã trong việc quản lý đất đai trên địa bàn.

8) Làm tốt công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư liên quan đến lĩnh vực đất đai đảm bảo kịp thời chính xác, đúng theo quy định pháp luật, tránh để đơn thư vượt cấp kéo dài.

Trên đây là kết quả giám sát chuyên đề tình hình quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện từ năm 2019 – 2021, Ban Kinh tế - Xã hội báo cáo HĐND huyện.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Trần Minh Hường



Phụ lục 1:

CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Kèm theo Báo cáo số 17/BC-HĐND ngày 28/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện)

TT	Số, ký hiệu, ngày/tháng/năm ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung
1	Số 58/NN&PTNT, ngày 07/6/2019	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Về việc hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP
2	Số 60/UBND-NN&PTNT, ngày 04/02/2020	UBND huyện Quảng Trạch	Về việc triển khai thi hành Nghị định 94/2019/NĐ-CP
3	Số 27/NN&PTNT, ngày 31/3/2020	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất trồng lúa
4	Số 707/UBND-NN&PTNT, ngày 17/8/2020	UBND huyện Quảng Trạch	Về việc báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi vụ Hè Thu 2020 và lập kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2021
5	Số 20/BC-NN&PTNT, ngày 17/5/2021	Phòng Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả thực hiện kinh phí hỗ trợ theo NĐ 35/2015/NĐ-CP và NĐ 62/2019/NĐ-CP
6	Số 231/UBND-NN&PTNT, ngày 12/3/2021	UBND huyện Quảng Trạch	Về việc hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP và NĐ 62/2019/NĐ-CP
7	Số 238/UBND-NN&PTNT, ngày 10/3/2022	UBND huyện Quảng Trạch	Về việc hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP và NĐ 62/2019/NĐ-CP



Phụ lục 2:

DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Báo cáo số 11/TBC-HĐND ngày 28/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội
HĐND huyện)

TT	Xã	Diện tích đất trồng lúa theo hiện trạng (ha)		
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Quảng Thạch	94,29	94,34	81,28
2	Quảng Châu	397,52	397,5	397,56
3	Quảng Hưng	348,62	348,6	325,72
4	Quảng Thanh	151,42	151,42	147,81
5	Quảng Lưu	323,61	294,648	310,77
6	Quảng Hợp	221,01	217,7	220,71
7	Phù Hóa	96,52	96,52	96,52
8	Cảnh Hóa	56,95	54,88	54,88
9	Quảng Phương	535,34	535,34	466,04
10	Quảng Tiến	55,2	55,225	55,2
11	Liên Trường	221,48	182,89	182,7
12	Quảng Kim	234,4	234,4	234,4
13	Quảng Đông	92,07	95,44	93,55
14	Quảng Tùng	307,88	307,88	303,63
15	Quảng Phú	298,63	298,62	298,62
16	Quảng Xuân	281,27	281,23	281,27
Tổng cộng		3.716,21	3.646,63	3.550,66



Phụ lục 3

DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA CHUYỂN ĐỔI SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Báo cáo số 117/BC-HĐND ngày 28/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện)

TT	Tên cá nhân, tổ chức	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)		Số văn bản, ngày/tháng/năm ban hành	Mục đích sau khi chuyển đổi
				Tổng diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: DT đất trồng lúa CMD (ha)		
1	Giáo họ Kinh Tân	Mở rộng nhà thờ giáo họ Kinh Tân	Xã Cảnh Hóa	0,28	0,21	QĐ số 4044/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
2	UBND xã Phù Hóa	Quy hoạch phân lô đất ở	Xã Phù Hóa	0,21	0,21	QĐ số 4605/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
3	UBND xã Liên Trường	Hạ tầng kỹ thuật quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Hạ Trường	Xã Liên Trường	0,46	0,32	QĐ số 4339/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
4	UBND xã Quảng Châu	Khu dân cư mới tại thôn Tùng Giang	Xã Quảng Châu	0,32	0,23	QĐ số 4216/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
5	UBND huyện Quảng Trạch	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Kênh, xã Quảng Hưng (đợt 1)	Xã Quảng Hưng	4,02	3,58	QĐ số 2827/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	Đất phi nông nghiệp
6	UBND huyện Quảng Trạch	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch đất ở và đất thương mại dịch vụ tại khu vực thôn Tú Loan 1,2,3 xã Quảng Hưng (Giai đoạn 2)	Xã Quảng Hưng	2,91	1,18	QĐ số 4828/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
7	UBND huyện Quảng Trạch	Hạ tầng kỹ thuật Khu quy hoạch đất ở tại thôn Tú Loan 1, 2, 3	Xã Quảng Hưng	2,41	1,12	QĐ số 3855/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
8	UBND huyện Quảng Trạch	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư Đồng Nương, thôn Phú Lộc 3, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	3,05	1,53	QĐ số 375/QĐ-UBND ngày 10/02/2022	Đất phi nông nghiệp
9	UBND huyện Quảng Trạch	Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Minh Sơn xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Đông	0,86	0,24	QĐ số 2070a/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp

TT	Tên cá nhân, tổ chức	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)		Số văn bản, ngày/tháng/năm ban hành	Mục đích sau khi chuyển đổi
				Tổng diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: DT đất trồng lúa CMĐ (ha)		
10	UBND xã Quảng Thanh	Quy hoạch chi tiết khu dân cư chòm 2 Thanh Sơn, Quảng Thanh	Xã Quảng Thanh	1,27	1,04	QĐ số 2245/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	Đất phi nông nghiệp
11	UBND huyện Quảng Trạch	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu dân cư thôn Tân An, xã Quảng Thanh	Xã Quảng Thanh	3,49	2,67	QĐ số 374/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
12	UBND huyện Quảng Trạch	Quy hoạch chi tiết khu dân cư Đồng Ràng, thôn Di Lộc, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Tùng	3,65	2,81	QĐ số 1076/QĐ-UBND ngày 02/5/2022 UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
13	UBND xã Quảng Lưu	Giao đất thực hiện đấu giá phân lô đất ở xen cư tại thôn Phù Lưu	Xã Quảng Lưu	0,14	0,14	QĐ số 2864/QĐ- UBND ngày 24/07/2019 của UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
14	Ông Hoàng Văn Thiện	Cửa hàng bách hóa tổng hợp Hoàng Thiện	Xã Cảnh Hóa	0,10	0,03	QĐ số 1462/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 UBND huyện	Đất phi nông nghiệp
15	Các đơn vị, tổ chức khác	Trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp Long Thiên Nam	Xã Liên Trường	0,55	0,53	QĐ số 2434/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh	Đất phi nông nghiệp
	Tổng			23,70	15,83		



Phụ lục 4

CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Báo cáo số 117/BC-HĐND ngày 28/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện)

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích (ha)		QĐ phê duyệt dự án đầu tư
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: DT đất lúa (ha)	
1	Khu phi thuế quan - KKT Hòn La	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Xã Quảng Đông	35,00	2,00	Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết
2	Xây dựng hạ tầng và thu hút Khu công nghiệp cảng biển Hòn La mở rộng	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Xã Quảng Đông	39,50	9,50	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
3	Xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư Khu công nghiệp Hòn La II	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Xã Quảng Phú	136,00	9,00	Nghị quyết số NQ-HĐND ngày của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
4	Đường bộ Cao tốc Bắc Nam đoạn qua huyện Quảng Trạch	BQL dự án 6, BGTVT	Các xã: Liên Trường, Quảng Châu, Quảng Hợp, Quảng Lưu, Quảng Phương, Quảng Thạch, Quảng Thanh, Quảng Tiến	199,19	14,71	NQ số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của QH về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025
5	Tuyến đường ống cấp nước ngọt vận hành của Nhà máy Điện lực Quảng Trạch	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Các xã: Quảng Châu, Quảng Đông, Quảng Hợp, Quảng Kim, Quảng Phú	17,62	6,93	QĐ số 1296/QĐ-BCT ngày 17/4/2017 của BCT về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm Điện lực Quảng Trạch
6	Kênh nước hoàn trả - Trung tâm Điện lực Quảng Trạch	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Xã Quảng Đông	9,51	4,73	QĐ số 1296/QĐ-BCT ngày 17/4/2017 của BCT về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm Điện lực Quảng Trạch
7	Mạch đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi	BQL DA lưới điện MT	Các xã: Cảnh Hóa, Liên Trường, Quảng Châu, Quảng Đông, Quảng Hợp, Quảng Kim, Quảng Lưu, Quảng Thạch	6,85	0,07	QĐ số 1339/QĐ-EVNNPT ngày 07/8/2018 của Tổng Cty TT điện Quốc gia (EVNNPT) Vv phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán xây dựng công trình Đường dây 500kV QT - Dốc Sỏi.
8	Bãi thải xỉ - Trung tâm Điện lực Quảng Trạch	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Xã Quảng Đông	45,20	7,92	QĐ số 1296/QĐ-BCT ngày 17/4/2017 của BCT về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm Điện lực Quảng Trạch
9	Các công trình phụ trợ phục vụ thi công Trung tâm Điện lực Quảng Trạch	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Xã Quảng Đông	12,25	3,05	QĐ số 1296/QĐ-BCT ngày 17/4/2017 của BCT về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm Điện lực Quảng Trạch
10	Đường dây 500kv nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng và SPP điện Quảng Trạch	BQL DA lưới điện MT	Xã Quảng Đông	4,59	0,05	CV số 2285/UBND-KTN ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận hướng tuyến
11	Khu trộn và chứa than Trung tâm Điện lực Quảng Trạch	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Xã Quảng Đông	80,26	6,49	QĐ số 1296/QĐ-BCT ngày 17/4/2017 của BCT về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm Điện lực Quảng Trạch
12	Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch (khu kinh tế Hòn La)	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Xã Quảng Đông	44,70	17,81	QĐ số 1296/QĐ-BCT ngày 17/4/2017 của BCT về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm Điện lực Quảng Trạch
13	Hạ tầng kết nối giao thông từ xã Cảnh Dương đi Quốc lộ 1	BQL dự án ODA	Các xã: Cảnh Dương, Quảng Tùng	2,58	0,97	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/4/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt CTĐT
14	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Sở Giao thông Vận tải	Các xã: Quảng Phương, Quảng Xuân	5,11	2,10	Quyết định số 1514/QĐ-BGTVT ngày 13/8/2021 của Bộ GTVT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp QL. 12A đoạn tránh Ba Đồn
15	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng QL. 12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL. 12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Sở Giao thông Vận tải	Xã Cảnh Hóa	0,81	0,08	Quyết định số 1514/QĐ-BGTVT ngày 13/8/2021 của Bộ GTVT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp QL. 12A đoạn tránh Ba Đồn
16	Xây dựng hạ tầng kết nối giao thông từ Trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch đến Tỉnh lộ 22	BQL dự án ODA	Các xã: Quảng Hưng, Quảng Tiến	15,00	1,04	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt chủ trương các dự án ĐTC
17	Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Hòn La	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Xã Quảng Đông	18,50	9,80	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
18	Hạ tầng giao thông từ Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện đến Công di tích lịch sử văn hóa Chiến khu Trung Thuần	BQL dự án ODA	Xã Quảng Phương	6,54	3,19	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 20/4/2021 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt CTĐT

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích (ha)		QĐ phê duyệt dự án đầu tư
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: DT đất lúa (ha)	
19	Hạ tầng nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ chợ Hướng Phương đi chợ Pháp Kệ, xã Quảng Phương	BQL dự án ODA	Xã Quảng Phương	3,22	1,90	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/4/2021 của HĐND huyện về việc phê duyệt CTĐT
20	Nâng cấp, sửa chữa hạ tầng 2 tuyến đường nội vùng xã Quảng Phương	BQL dự án ODA	Xã Quảng Phương	2,45	0,05	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20/4/2021 của HĐND huyện về việc phê duyệt CTĐT
21	Hạ tầng 2 tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1A đi đường ven biển thuộc xã Quảng Xuân	BQL dự án ODA	Xã Quảng Xuân	4,19	0,62	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt CTĐT
22	Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động sản xuất thủy sản huyện Quảng Trạch	BQL dự án ODA	Các xã: Cảnh Dương, Quảng Châu, Quảng Tùng, Quảng Xuân	1,50	0,50	Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kế hoạch SDD
23	Hạ tầng kết nối giao thông từ trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A (giai đoạn 1)	BQL dự án ODA	Các xã: Liên Trường, Quảng Phương	14,00	4,20	Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kế hoạch SDD
24	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Thanh-Quảng Phương-Quảng Lưu-Quảng Tiến	BQL dự án ODA	Các xã: Quảng Lưu, Quảng Phương, Quảng Thanh, Quảng Tiến	0,55	0,30	Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kế hoạch SDD
25	Hạ tầng giao thông kết nối các khu dân cư từ chợ Quảng Lưu đi chợ Quảng Tiến	BQL dự án ODA	Các xã: Quảng Lưu, Quảng Tiến	1,31	0,70	Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ
26	Hạ tầng kết nối giao thông tuyến chính từ đường liên xã Long-Phương-Lưu kết nối các trục đường vào Trung tâm huyện (Giai đoạn 1)	BQL dự án ODA	Xã Quảng Phương	6,50	5,00	Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kế hoạch SDD
27	Tuyến đường nối từ phía Nam hồ Bầu Mây kết nối với tuyến đường liên xã Quảng Phương	BQL dự án ODA	Xã Quảng Phương	2,44	0,80	Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất
28	Tuyến đường ven biển (đoạn đi qua huyện Quảng Trạch)	Sở Giao thông Vận tải	Các xã: Quảng Hưng, Quảng Tùng, Quảng Xuân	34,32	0,72	Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án thành phần 1-Đường ven biển
29	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến đường liên 5 xã đoạn từ xã Quảng Long đi xã Quảng Phương	BQL dự án ODA	Các xã: Quảng Lưu, Quảng Phương, Quảng Thanh	1,21	0,06	Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/02/2020 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
30	Tuyến đường từ trụ sở chi cục thi hành án đến đường đi xã Quảng Lưu (GD 1)	BQL dự án ODA	Xã Quảng Phương	1,63	0,06	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/10/2019 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
31	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở mới tại thôn Hà Tiến, xã Quảng Tiến	UBND xã Quảng Tiến	Xã Quảng Tiến	3,36	0,03	Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
32	Trung tâm Dịch vụ thể thao và Trường Mầm non Bình Minh	CTy CP SX vật liệu và xây dựng tổng hợp Minh Sơn	Xã Quảng Tùng	1,43	1,04	QĐ số 3845/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án
33	Hoàn thiện các công trình thiết yếu tại khu dân cư đồng Muối xã Quảng Tùng	UBND xã Quảng Tùng	Xã Quảng Tùng	2,00	0,50	NQ 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021
34	Tiểu dự án bồi thường, GPMB tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Đèo Con, tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình (Dự án đã thu hồi đất)	UBND huyện Quảng Trạch	Các xã: Quảng Châu, Quảng Hợp, Quảng Lưu, Quảng Tiến	48,54	2,10	Quyết định số 2121/QĐ-BGTVT ngày 19/7/2017 của BỘ GTVT về việc phê duyệt dự án đầu tư
35	Nâng cấp, sửa chữa khản cấp tuyến đê kè đoạn qua thôn Phú Ninh, xã Quảng Thanh	BQL dự án ODA	Xã Quảng Thanh	5,50	0,50	Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kế hoạch SDD
36	Nâng cấp hệ thống tưới tiêu và thoát lũ sông Kênh Kìa khu vực thị xã Ba Đồn và huyện Quảng Trạch	BQL dự án ODA	Các xã: Quảng Phương, Quảng Thanh	13,11	1,94	Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt thiết kế cơ sở
37	Trạm y tế xã	UBND xã Quảng Châu	Xã Quảng Châu	0,27	0,12	Quyết định số 3847/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
38	Trường mầm non trung tâm xã Quảng Lưu	UBND xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	0,54	0,53	Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
39	Mở rộng trường Mầm non xã Quảng Xuân	UBND xã Quảng Xuân	Xã Quảng Xuân	0,11	0,10	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 24/7/2020 của HĐND xã Quảng Xuân vv phê duyệt CTĐT

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích (ha)		QĐ phê duyệt dự án đầu tư
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: DT đất lúa (ha)	
40	Mở rộng khuôn viên Trường PTTH Quang Trung	Trường PTTH Quang trung	Xã Quảng Phú	1,65	0,47	QĐ số 3667/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt BC KT-KT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Xây dựng mở rộng khuôn viên Trường THPT Quang Trung
41	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Bình	BQL DA lưới điện MT	Các xã: Quảng Đông, Quảng Hưng, Quảng Phương, Quảng Thanh, Quảng Tùng, Quảng Xuân	0,08	0,06	Quyết định số của UBND tỉnh Quảng Bình về việc
42	Mở rộng nhà thờ giáo họ Kinh Tân	Giáo họ Kinh Tân	Xã Cảnh Hóa	0,28	0,21	Quyết định số 1765/UBND-XDCB ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo họ
43	Quy hoạch phân lô đất ở	UBND xã Phù Hóa	Xã Phù Hóa	0,21	0,21	QĐ số 2878/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã trên địa bàn huyện
44	Mở rộng khuôn viên Nhà thờ Giáo xứ Chợ Sàng	Giáo xứ Chợ Sàng	Xã Liên Trường	0,35	0,17	CV số 1426/UBND-XDCB ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giới thiệu địa điểm
45	Nhà sinh hoạt cộng đồng chòm Trung thôn Hòa Bình	UBND xã Quảng Hưng	Xã Quảng Hưng	1,00	0,79	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND xã Quảng Hưng về kế hoạch đầu tư công xã Quảng Hưng
46	Nhà sinh hoạt cộng đồng chòm 3, chòm 2, chòm 1 thôn Hưng Lộc, xã Quảng Hưng	UBND xã Quảng Hưng	Xã Quảng Hưng	0,78	0,10	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND xã Quảng Hưng về kế hoạch đầu tư công xã Quảng Hưng
47	Nhà sinh hoạt cộng đồng chòm Điều, thôn Hòa Bình, xã Quảng Hưng	UBND xã Quảng Hưng	Xã Quảng Hưng	0,48	0,40	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND xã Quảng Hưng về kế hoạch đầu tư công xã Quảng Hưng
48	Hạ tầng kỹ thuật quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Hạ Trường	UBND xã Liên Trường	Xã Liên Trường	0,46	0,32	NQ số 87/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thông qua Kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình,
49	Đất ở xen cư xã Liên Trường (thôn Đông Phúc, thôn Xuân Trường, thôn Thu Trường)	UBND xã Liên Trường	Xã Liên Trường	0,84	0,07	QĐ số 2878/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã trên địa bàn huyện
50	Khu dân cư mới tại thôn Tùng Giang	UBND xã Quảng Châu	Xã Quảng Châu	0,32	0,23	NQ số 87/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thông qua Kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình,
51	Tạo quỹ đất ở xã Quảng Châu	UBND xã Quảng Châu	Xã Quảng Châu	0,51	0,08	QĐ số 2878/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã trên địa bàn huyện
52	Tạo quỹ đất ở xã Quảng Xuân (thôn Thanh Bình, thôn Thanh Lương, thôn Xuân Kiều)	UBND xã Quảng Xuân	Xã Quảng Xuân	0,71	0,13	QĐ số 2878/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại các xã trên địa bàn huyện
53	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu dân cư thôn Minh Sơn xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	PTQB huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Đông	5,14	4,06	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc chủ trương đầu tư
54	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Kênh, xã Quảng Hưng (đợt 1)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Hưng	4,02	3,58	NQ số 05/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trọng điểm nhóm C (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý).
55	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch đất ở và đất thương mại dịch vụ tại khu vực thôn Tú Loan 1,2,3 xã Quảng Hưng (Giai đoạn 2)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Hưng	2,91	1,18	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
56	Hạ tầng kỹ thuật Khu quy hoạch đất ở tại thôn Tú Loan 1, 2, 3	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Hưng	2,41	1,12	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
57	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư Đồng Nương, thôn Phú Lộc 3, xã Quảng Phú	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Phú	3,05	1,53	NQ số 09/NQ-HĐND ngày 26/3/2020 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích (ha)		QĐ phê duyệt dự án đầu tư
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: DT đất lúa (ha)	
58	Mở rộng quy hoạch chi tiết khu ở mới Đồng Trạm thôn Phú Lộc 4 xã Quảng Phú	UBND xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	0,50	0,46	Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND tỉnh về việc trích từ quỹ phát triển đất tỉnh cấp tạm ứng vốn chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng
59	Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Minh Sơn xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	PTQĐ huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Đông	0,86	0,24	Quyết định 1617/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật
60	Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới tại thôn Đông Hưng xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	UBND xã Quảng Đông	Xã Quảng Đông	4,49	0,18	Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 05/6/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án phát triển quỹ đất
61	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch	Sở Xây dựng	Xã Quảng Hưng	40,40	1,40	CV số 1998/UBND-XDCB ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
62	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư thôn Nam Lãnh, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Phú	4,81	2,89	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
63	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Phương	4,85	2,83	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
64	Hạ tầng kỹ thuật Quy hoạch chi tiết Khu dân cư phía Tây thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương (Giai đoạn 1)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Phương	4,99	4,99	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 26/3/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
65	Quy hoạch chi tiết khu dân cư chòm 2 Thanh Sơn, Quảng Thanh	UBND xã Quảng Thanh	Xã Quảng Thanh	1,27	1,04	Quyết định số của UBND tỉnh Quảng Bình về việc
66	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu dân cư thôn Tân An, xã Quảng Thanh	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Thanh	3,49	2,67	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
67	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu vực thuộc trung tâm xã tại thôn Phú Ninh xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Thanh	1,91	1,85	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
68	Hạ tầng khu dân cư phía Tây kênh Xuân Hưng, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Tùng	4,86	2,40	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 02/10/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt CTĐT
69	Quy hoạch chi tiết khu dân cư Đồng Ràng, thôn Di Lộc, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Tùng	3,65	2,81	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 02/10/2020 của HĐND huyện về việc phê duyệt CTĐT
70	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Kiều và thôn Thanh Lương, xã Quảng Xuân	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Xuân	4,98	0,21	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 của HĐND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
71	Giao đất thực hiện đấu giá phân lô đất ở xen cư tại thôn Phú Lưu	UBND xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	0,14	0,14	NQ số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
72	Khu Tái định cư tại Đồng Cây Lội thôn Vân Tiên (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Lưu	1,18	0,91	Quyết định số của UBND tỉnh Quảng Bình về việc
73	Khu tái định cư tại Đồng Chợ thôn Tam Đa (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Lưu	2,13	2,13	Quyết định số của UBND tỉnh Quảng Bình về việc
74	Khu tái định cư (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Thanh	1,65	1,60	Quyết định số của UBND tỉnh Quảng Bình về việc
75	Khu tái định cư (phục vụ GPMB dự án đường bộ Cao tốc Bắc nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Thanh	2,80	2,49	Quyết định số của UBND tỉnh Quảng Bình về việc
76	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư (phục vụ GPMB dự án thành phần 1: Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	UBND huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Tùng	2,10	2,00	QĐ số 1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh QB về việc phê duyệt Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh QB
77	Nhà ở phục vụ cán bộ, công nhân tại Khu kinh tế Hòn La của Công ty Cổ phần Wood Hồng Phúc	Công ty Cổ phần Wood Hồng Phúc	Xã Quảng Đông	2,04	1,86	QĐ số 60/QĐ-KKT ngày 18/01/2022 của BQLKKT Quảng Bình Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích (ha)		QĐ phê duyệt dự án đầu tư
				Tổng diện tích (ha)	Trong đó: DT đất lúa (ha)	
78	Khu nhà ở phục vụ cán bộ công nhân Hòn La Suites&Residence của Công ty Cổ phần đầu tư Quốc tế Hòn La	Công ty Cổ phần đầu tư Quốc tế Hòn La	Xã Quảng Đông	1,95	0,27	QĐ số 68/QĐ-KKT ngày 18/01/2022 của BQLKKT Quảng Bình Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
79	Cơ sở thu mua, chế biến nông sản và dịch vụ tổng hợp, của Hợp tác xã dịch vụ thương mại tổng hợp Yên Mùi	HTX dịch vụ thương mại tổng hợp Yên Mùi	Xã Liên Trường	0,72	0,58	Quyết định 1038/QĐ-UBND ngày 09/04/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
80	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Hoàng Trần của Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ Xuân Thành	Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ Xuân Thành	Xã Liên Trường	0,33	0,32	Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
81	Cửa hàng bách hóa tổng hợp Hoàng Thiện	Ông Hoàng Văn Thiện	Xã Cảnh Hóa	0,10	0,03	Quyết định số 3417/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư
82	Dự án trung tâm thương mại dịch vụ Quế Lam của công ty TNHH đầu tư phát triển xây dựng số 1	Công ty TNHH đầu tư phát triển xây dựng số 1	Xã Liên Trường	0,21	0,02	Quyết định số 5098/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận dự án đầu tư
83	Trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp Long Thiên Nam	Các đơn vị, tổ chức khác	Xã Liên Trường	0,55	0,53	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận CTĐT
84	Dự án đầu tư khu thương mại dịch vụ tổng hợp Hòn La	CTy TNHH dịch vụ kỹ thuật và thiết bị công nghiệp Việt Nam	Xã Quảng Đông	2,20	1,20	QĐ 535/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh về thực hiện dự án đầu tư Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Hòn La
85	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Quảng Trạch của công ty TNHH Tư vấn xây dựng 81	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng 81	Xã Quảng Hưng	1,63	1,41	Quyết định số 97/QĐ của Ban QLKKT ngày 18/01/2019 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
86	Trụ sở làm việc và kinh doanh, buôn bán của HTX chăn nuôi tổng hợp sạch Nam Hồng Quảng	HTX chăn nuôi tổng hợp sạch Nam Hồng Quảng	Xã Quảng Lưu	0,09	0,08	Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư
Tổng				953,44	175,44	

Phụ lục 5

KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Báo cáo số 117/BC-HĐND ngày 28/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện)

TT	Xã	Nội dung thực hiện	Số tiền (VN đồng)
		Năm 2020	3.502.907.000
1	Quảng Thạch	Đầu tư XD bể chứa rác thải bảo vệ thực vật trên đồng ruộng	94.012.000
2	Quảng Châu	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	121.520.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	196.000.000
3	Quảng Hưng	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	170.000.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	172.800.000
4	Quảng Thanh	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	138.420.000
		Hỗ trợ tiểu ban đồn điền đổi thửa tại chòm 1 thôn Thanh Sơn	13.000.000
5	Quảng Lưu	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	160.000.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	160.030.000
6	Quảng Hợp	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	88.860.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	88.860.000
7	Phù Hóa	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	96.230.000
8	Cánh Hóa	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	56.950.000
9	Quảng Phương	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	255.000.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	255.690.000
10	Quảng Tiến	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	19.480.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	19.490.000
11	Liên Trường	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	221.480.000
12	Quảng Kim	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	117.200.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	117.200.000
13	Quảng Đông	Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	61.435.000
14	Quảng Tùng	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	307.880.000
15	Quảng Phú	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	145.000.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	145.140.000
16	Quảng Xuân	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	141.230.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	140.000.000

		Năm 2021	3.515.040.000
1	Quảng Thạch	Đầu tư XD, duy tu bảo dưỡng hệ thống kênh mương nội đồng	46.820.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	47.000.000
2	Quảng Châu	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	199.500.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	198.000.000
3	Quảng Hưng	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	170.000.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	178.680.000
4	Quảng Thanh	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	151.420.000
5	Quảng Lưu	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	61.400.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	232.955.000
6	Quảng Hợp	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	87.435.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	87.435.000
7	Phù Hóa	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	96.000.000
8	Cảnh Hóa	Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	49.050.000
9	Quảng Phương	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	255.000.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	255.690.000
10	Quảng Tiến	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	19.995.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	19.000.000
11	Liên Trường	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	91.445.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	91.445.000
12	Quảng Kim	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	117.200.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	117.200.000
13	Quảng Đông	Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	63.120.000
14	Quảng Tùng	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	147.880.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	160.000.000
15	Quảng Phú	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	145.000.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	145.140.000
16	Quảng Xuân	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình nông thôn	141.170.000
		Hỗ trợ giống mới, tiến bộ kỹ thuật	140.060.000